

Số: 12 /QĐ-HĐQT

Biên Hòa, ngày 24 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Tổng Công ty Tín Nghĩa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 17/01/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế Công bố thông tin**” của Tổng Công ty Tín Nghĩa gồm 04 Chương, 18 Điều và Phụ lục về các loại hình công bố thông tin.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2016 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc; Giám đốc các Phòng ban, đơn vị và các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế có trách nhiệm triển khai và thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Thị Thanh Hà

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT; BKS (để biết);
- Lưu VP. HĐQT.

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2021
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và quan hệ phối hợp công tác giữa các Phòng, ban, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm đảm bảo hoạt động công bố thông tin tuân thủ theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Tổng Công ty Tín Nghĩa, các tổ chức, các cá nhân có liên quan và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến chứng khoán của Tổng Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tổng Công ty” hoặc “Tổng Công ty Tín Nghĩa” là Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

2. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Tổng Công ty, bao gồm :

- a) Người đại diện theo pháp luật;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Tổng giám đốc;
- e) Phó Tổng giám đốc;
- f) Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng;

g) Các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty bổ nhiệm;

h) Trưởng Ban kiểm soát;

i) Thành viên Ban kiểm soát;

j) Thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

k) Thư ký Tổng Công ty;

l) Người phụ trách quản trị Tổng Công ty;

m) Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Tổng Công ty và người nội bộ của Tổng Công ty;

b) Tổng Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Tổng Công ty;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. “Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin” bao gồm:

a) Người nội bộ của Tổng Công ty và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Tổng Công ty;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

e) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

f) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng Công ty.

4. “Ngày công bố thông tin” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

5. “Ngày báo cáo” là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện

công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. “Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán” được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. “Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán” được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

f) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Các đối tượng công bố thông tin nêu tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó. Đồng thời, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

3. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

4. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

Điều 4. Hình thức dữ liệu thông tin

1. Các tài liệu, báo cáo công bố thông tin được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Thông tin dưới hình thức bằng văn bản phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền. Văn bản có thể gửi đường bưu điện hoặc fax. Trường hợp gửi qua bản fax thì bản chính phải được gửi ngay qua đường bưu điện trong vòng 24 giờ kể từ thời gian chuyển fax.

3. Thông tin bằng dữ liệu điện tử phải được chuyển đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thông qua hệ thống IDS Pro, hệ thống CIMS hoặc phương tiện công bố thông tin khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán quy định. Dữ liệu điện tử dạng văn bản phải sử dụng bảng mã Unicode trên phần mềm word, dữ liệu điện tử dạng số liệu dùng phần mềm excel.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

Stt	Đối tượng tiếp nhận công bố thông tin	Phương tiện công bố thông tin
1	Tổng Công ty Tín Nghĩa	Chuyên mục về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty.
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Stt	Đối tượng tiếp nhận công bố thông tin	Phương tiện công bố thông tin
	pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, báo điện tử.
		Phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn của nhà báo, phóng viên.
		Ban hành văn bản đề nghị cơ quan báo chí đăng, phát phản hồi, cải chính, xin lỗi nội dung thông tin trên báo chí.

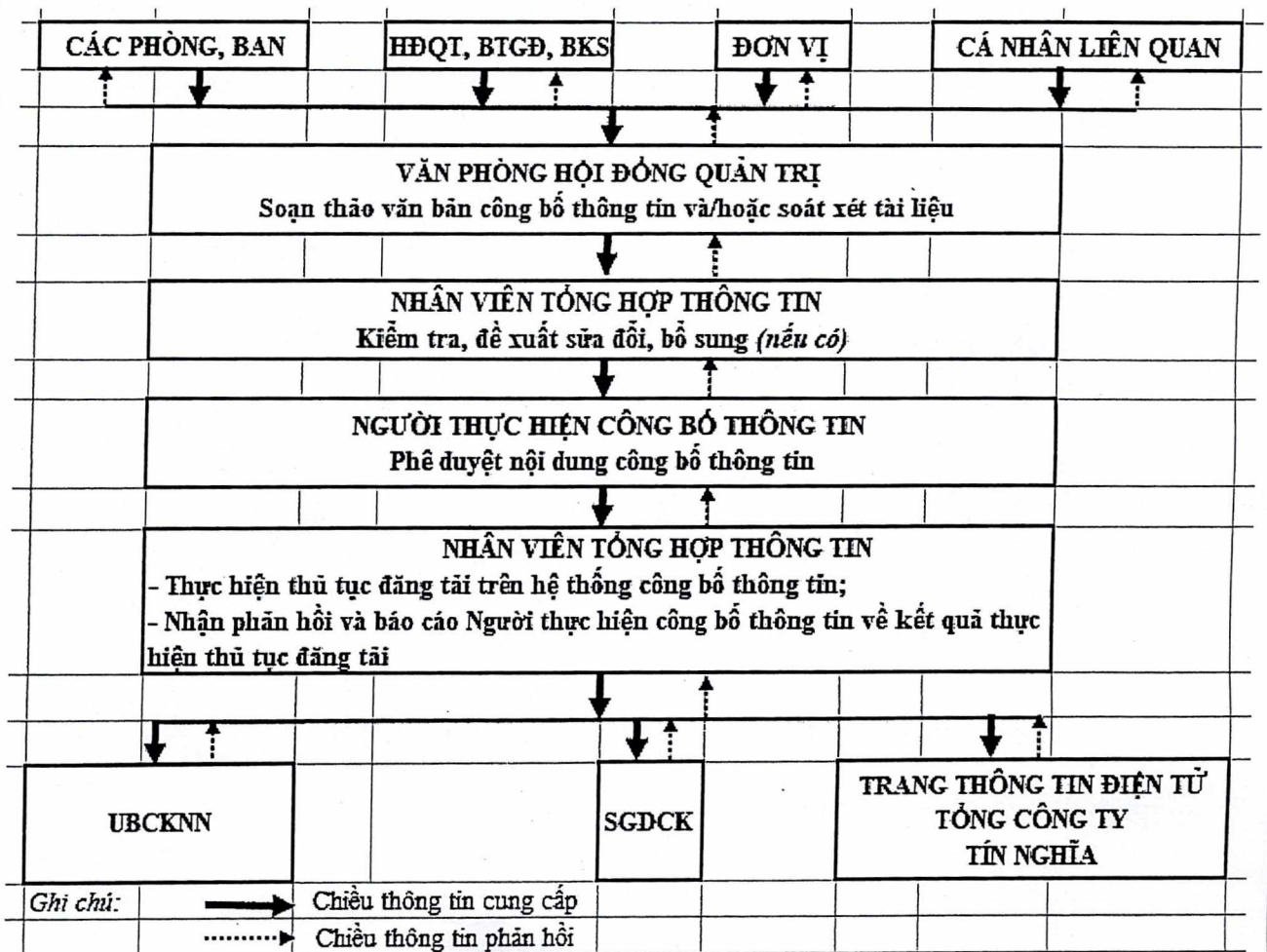
Chương II

NỘI DUNG, LOẠI HÌNH VÀ QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Các nội dung và loại hình công bố thông tin

Nội dung và loại hình chi tiết được quy định tại Phụ lục các loại hình công bố thông tin ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 7. Sơ đồ quy trình công bố thông tin



Điều 8. Diễn giải quy trình

1. Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các Phòng, ban, đơn vị, cá nhân liên quan phải gửi thông tin đến Văn phòng Hội đồng quản trị theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các Phòng, ban, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp, Văn phòng Hội đồng quản trị tiến hành kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung, tài liệu cần công bố thông tin và/hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin, trình Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phê duyệt.

3. Bước 3: Thẩm tra thông tin

Nhân viên tổng hợp thông tin kiểm tra, xác minh nội dung thông tin và đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) trước khi trình Người thực hiện công bố thông tin phê duyệt.

4. Bước 4: Phê duyệt công bố thông tin

Người thực hiện công bố thông tin phê duyệt việc công bố thông tin trên cơ sở tài liệu công bố thông tin được cung cấp.

5. Bước 5: Thực hiện thủ tục gửi thông tin

Nhân viên tổng hợp thông tin tiến hành thủ tục gửi thông tin cần công bố đến các đối tượng nhận công bố thông tin theo quy định.

6. Bước 6: Tiếp nhận các thông tin phản hồi

Nhân viên tổng hợp thông tin chịu trách nhiệm tiếp nhận các thông tin phản hồi và đề xuất cho Lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

Điều 9. Lưu trữ thông tin

Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm.

2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh.

2. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện

(trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 11. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản thực hiện công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

3. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

4. Trường hợp chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có sự thay đổi.

Điều 12. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định tại Quy chế này, giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Người đại diện theo pháp luật về kết quả thực hiện.

2. Yêu cầu các Phòng, ban, đơn vị và cá nhân có liên quan Tổng Công ty cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, bất thường của Tổng Công ty hoặc thông tin cung cấp theo yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trong trường hợp các cơ quan báo chí đăng, phát không chính xác nội dung thông tin mà Người thực hiện công bố thông tin đã phát ngôn hoặc cung cấp thông tin, Người thực hiện công bố thông tin có quyền nêu ý kiến phản hồi bằng văn bản đến cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí và cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Điều 13. Trách nhiệm của Nhân viên tổng hợp thông tin

1. Nhân viên tổng hợp thông tin là người được Người đại diện theo pháp luật chỉ định hoặc theo đề xuất của Người thực hiện công bố thông tin, chịu sự chỉ đạo của Người thực hiện công bố thông tin trong công việc được phân công.

2. Chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh nội dung thông tin cần công bố thông tin và đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

3. Báo cáo Người thực hiện công bố thông tin phê duyệt thủ tục đăng tải thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và trang thông tin điện tử của Tổng Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Tiếp nhận các thông tin phản hồi và đề xuất cho Lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

Điều 14. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận, cá nhân liên quan, kiểm tra tính chính xác và phù hợp của nội dung tài liệu, thông tin được cung cấp.

2. Tham mưu soạn thảo văn bản công bố thông tin theo quy định pháp luật, trình Người đại diện theo pháp luật xem xét, phê duyệt nội dung (nếu có).

3. Phối hợp Nhân viên tổng hợp thông tin thực hiện thủ tục công bố thông tin theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 15. Trách nhiệm của các Phòng, ban, đơn vị và cá nhân liên quan

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Văn phòng Hội đồng quản trị.

2. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các Phòng, ban, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Văn phòng Hội đồng quản trị trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các đối tượng công bố thông tin quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Tất cả các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế.

2. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến Quy chế để các phòng, ban, đơn vị và cá nhân có liên quan nắm và triển khai thực hiện, giám sát tính tuân thủ của Quy chế.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế Công bố thông tin này có hiệu lực sau khi được Hội đồng quản trị Tổng Công ty thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty ký Quyết định ban hành. Các quy định trước đây trái với nội dung Quy chế này được bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được cập nhật, sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với với tình hình thực tế của Tổng Công ty và quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thị Thanh Hà

PHỤ LỤC

CÁC LOẠI HÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Đính kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Tổng Công ty Tín Nghĩa

được ban hành tại Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty)

A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung	Thời hạn quy định	Ghi chú
01	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (Bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và văn bản giải trình trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Giải trình nguyên nhân khi xảy ra các trường hợp sau đây : a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
02	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (Bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và văn bản giải trình trong trường hợp tổ chức kiểm toán kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm.	b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
03	Báo cáo tài chính quý.	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	
04	Báo cáo thường niên.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công	Theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo

Stt	Nội dung	Thời hạn quy định	Ghi chú
		bổ báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành (sau đây gọi tắt là “Thông tư 96/2020/TT-BTC”).
05	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên và năm.	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
06	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Công bố tài liệu họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ . Công bố Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết (Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản) tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.	

B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
01	Tài khoản của Tổng Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
	chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.		
02	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
03	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn. Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
04	Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
	phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.		
05	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
06	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng Công ty, con dấu của Tổng Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
07	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
08	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
	<p>để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.</p>	<p>ra sự kiện.</p>	<p>và các giải pháp khắc phục (nếu có).</p>
09	<p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.</p>	<p>Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.</p>	
10	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</p>	<p>Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <p>Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, Tổng Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán trong thời hạn 24 giờ;</p> <p>Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp</p>	<p>Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).</p>

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
		<p>luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ trong thời hạn 24 giờ;</p> <p>Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.</p> <p>Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</p>	
11	Tổng Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
			96/2020/TT-BTC. Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng Công ty, người nội bộ của Tổng Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng Công ty.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
15	Tổng Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
16	Trường hợp Tổng Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng Công ty, Tổng Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện,	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
	thông tin đó.		
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng Công ty.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
19	Chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Văn bản ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC.
20	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (Công bố tài liệu và gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết)	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	
21	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để	

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
		tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.	
22	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
23	Thông tin tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng Công ty Cổ đông lớn của Tổng Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Công bố trên website trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan của cổ đông.	
24	Công bố thông tin trên website về báo cáo kết quả giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Tổng Công ty.	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan của cổ đông.	
25	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
26	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.		Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
			khoán.
27	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	
28	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	
29	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
01	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban	Nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
02	Có thông tin liên quan đến Tổng Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.	dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔNG CÔNG TY, NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
01	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng Công ty.	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.	Báo cáo về giao dịch cho Tổng Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Theo mẫu quy định tại Phụ lục VII và VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
02	Cổ đông lớn của Tổng Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.		
03	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu.		

E. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG THỜI GIAN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
01	Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng Công ty về việc thực hiện giao dịch.	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng.
02	Cổ đông sáng lập phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng Công ty về kết quả thực hiện giao dịch; giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch,	Theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

G. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
01	Công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc ,	Công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
	<p>Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Tổng Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến <i>trong ngày</i> từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến <i>trong từng tháng</i> từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</p>	<p>người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày giao dịch liên sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch; đồng thời, giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).</p>	<p>định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>Công bố thông tin về kết quả giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>

H. CÔNG BỐ THÔNG TIN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG

Stt	Loại thông tin công bố	Thời hạn quy định	Ghi chú
01	Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.		Theo quy định tại Điều 19, Thông tư 96/2020/TT-BTC
02	Công bố thông tin niêm yết trái phiếu doanh nghiệp		Theo quy định tại Điều 20, Thông tư 96/2020/TT-BTC